

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ THUYẾT VÀ NGHIÊN CỨU NHÂN HỌC VỀ NHÀ CỬA Ở VIỆT NAM

TS. Trần Hữu Sơn
Viện Văn hóa dân gian ứng dụng
ThS. Trần Thùy Dương
Trường Đại học KHXH&NV
Email: sonvanlc@gmail.com

Tóm tắt: Nhà cửa luôn được nhiều nhà nhân học quan tâm nghiên cứu. Trên thế giới, nhiều nghiên cứu nhân học về chủ đề này đều có tính lý thuyết và thực tế cao. Ở Việt Nam, nhân học về nhà cửa đã phát triển gần một thế kỷ, đạt nhiều thành tựu, song vẫn còn những khoảng trống. Trước yêu cầu mới, nghiên cứu nhà cửa trong nhân học cần tăng cường tiếp cận các lý thuyết quốc tế, mở rộng đối tượng theo hướng ứng dụng. Đặc biệt, bối cảnh đô thị hóa, toàn cầu hóa dẫn đến các dạng thức nhà cửa cổ truyền bị mai một khắp nơi, kể cả vùng nông thôn, miền núi của các dân tộc thiểu số, du lịch phát triển và công cuộc xây dựng nông thôn mới đặt ra nhiều vấn đề cho nghiên cứu nhân học về nhà cửa. Bài viết trình bày khái quát một số lý thuyết nghiên cứu nhân học về nhà cửa trên thế giới và tình hình nghiên cứu ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất một hướng nghiên cứu nhân học ứng dụng đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Từ khóa: Lý thuyết nhân học, nghiên cứu nhân học, nghiên cứu ứng dụng, nhà cửa.

Abstract: Houses have always been studied by many anthropologists. Around the world, many anthropological studies on this topic are both theoretical and practical. In Vietnam, housing anthropology has developed for nearly a century, achieving many achievements, but there are still gaps. Faced with new requirements, housing research in anthropology in Vietnam needs to strengthen its approach to international theories and expand its application to subjects oriented. In particular, the context of urbanization and globalization has led to the disappearance of traditional forms of houses everywhere, regardless of the rural and mountainous areas of ethnic minorities, the development of tourism, and the new rural construction process poses many problems for anthropological research on housing. This article presents an overview of some theories of anthropological research on housing in the world and the research situation in Vietnam. It thereby proposes a research direction of applied anthropology to meet practical requirements.

Keywords: Anthropological theory, anthropological research, applied research, house.

Ngày nhận bài: 4/6/2021; ngày gửi phản biện: 30/6/2021; ngày duyệt đăng: 13/8/2021.

Đặt vấn đề

Nhân học nghiên cứu về nhà cửa ở nước ta có lịch sử hình thành, phát triển khá lâu và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Song, trước yêu cầu thực tiễn đặt ra, nghiên cứu nhân học vật chất nói chung và nghiên cứu về nhà cửa ở Việt Nam nói riêng hiện nay cần tăng cường tiếp cận các lý thuyết nghiên cứu quốc tế, tìm hướng đi mới cho các công trình nghiên cứu. Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm tác giả chủ yếu khái quát một số lý thuyết nghiên cứu nhân học về nhà cửa của học giả nước ngoài, thực trạng nghiên cứu nhân học về nhà cửa ở Việt Nam, từ đó mở rộng đối tượng nghiên cứu theo hướng ứng dụng trong bối cảnh hiện nay.

1. Lý thuyết nghiên cứu nhân học về nhà cửa của các học giả nước ngoài

1.1. Lý thuyết của Morgan và lý thuyết đa biến

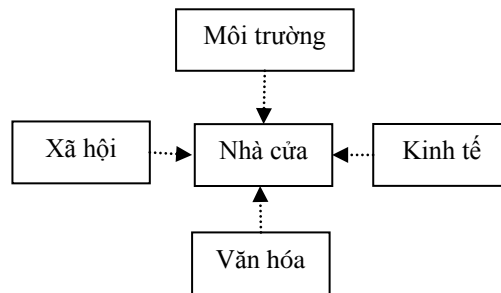
Lewis Henny Morgan là người khởi xướng lý thuyết nghiên cứu nhà cửa. Năm 1881, trong bài báo *Nhà ở và cuộc sống gia đình của các dân tộc bản địa Châu Mỹ*, ông đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa hình thức nhà ở và cuộc sống xã hội (Adamson Hoebeel, 2007). Ông cho rằng, tổ chức xã hội và loại hình nhà ở có quan hệ mật thiết với nhau. Việc coi trọng quan hệ thân tộc đưa đến khuynh hướng tập hợp những người thân thích sống chung dưới một mái nhà, do vậy ông đã nghiên cứu các kiểu nhà như là bằng chứng của tổ chức xã hội. Từ đó, Wilhelm Wundt đã đưa ra quan điểm về sự tác động của loại hình nhà cửa đến các mô thức xã hội và cho rằng, một gia đình nhỏ (gồm vợ chồng và “các con”) cư ngụ trong cái hang nhỏ hẹp sẽ sinh ra những thái độ, hành vi mang tính phân cách về mặt xã hội. Song, nhiều gia đình cư ngụ chung trong một hang lớn sẽ có khuynh hướng tập hợp như một loại hình cộng đồng của tổ chức xã hội (Adamson Hoebeel, 2007). Sau này, lý thuyết về tổ chức xã hội và loại hình nhà đã ảnh hưởng đến nhiều nhà nghiên cứu về kiến trúc.

Nhà nghiên cứu kiến trúc và văn hóa Amos Rapoport (1969) đã đưa ra lý thuyết đa biến (Alternative theories) về hình thức nhà ở. Tuy đã loại bỏ các nhân tố môi trường tác động tới kiến trúc xây dựng nhà cửa nhưng trong lý thuyết đa biến ông vẫn khẳng định có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hình thức của ngôi nhà, bao gồm hai yếu tố môi trường và xã hội. Ông đưa ra 6 yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hình thức nhà ở, đó là khí hậu, nguyên liệu xây dựng, kỹ thuật, địa điểm, phòng thủ, kinh tế; đồng thời cũng nhấn mạnh sự tác động của các yếu tố văn hóa - xã hội như: văn hóa, đạo đức, thể giới quan, tính dân tộc,... Ông còn đưa ra một số nhân tố khác tác động đến việc biến đổi của ngôi nhà như: biến động của khí hậu và sự thích ứng, những thay đổi về nguyên liệu cơ bản và kỹ thuật,... Lý thuyết đa biến và công trình *Hình thái ngôi nhà và văn hóa* nổi tiếng của Amos Rapoport năm 1969 đã trở thành cảm hứng đối với những nhà nhân học nghiên cứu về nhà cửa. Mặc dù công trình được công bố từ năm 1969 nhưng đến nay cuốn sách của ông vẫn có nhiều giá trị khoa học trong ngành kiến trúc, khi vận dụng vào nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ngôi nhà của các tộc người¹.

¹ Amos Rapoport (sinh ngày 28/3/1929) là kiến trúc sư và là nhà nhân học - một trong những người sáng lập trường phái nghiên cứu hành vi môi trường (EBS), tác giả của hơn 200 ấn bản học thuật về lĩnh vực này. Tác phẩm của ông tập trung chủ yếu vào vai trò của các biến văn hóa, nghiên cứu xuyên văn hóa trong kiến trúc.

Theo đó, các nghiên cứu nhà cửa trong nhân học thường sử dụng cách tiếp cận tổng quát khi phân tích các yếu tố khác nhau cấu thành nên ngôi nhà, cả về mặt vật thể và phi vật thể, như minh họa trong sơ đồ 1 dưới đây:

Sơ đồ 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến ngôi nhà



Qua sơ đồ trên, các yếu tố bao trùm ảnh hưởng đến cấu thành nên ngôi nhà là: (i) *Môi trường* gồm có khí hậu, địa hình, thảm thực vật, thủy văn...; (ii) *Văn hóa* như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục tập quán, nếp sống, các chuẩn mực xã hội...; (iii) *Kinh tế* thể hiện ở việc ngôi nhà là trung tâm sản xuất nghề thủ công và cũng là nơi cất giữ hạt giống cây trồng, lương thực; đặc biệt kết cấu mô hình nhà - vườn - chuồng hoặc nhà - ao chuồng, nhà rừng - chuồng gia súc - ruộng bậc thang đều có ảnh hưởng đến ngôi nhà; (iv) *Xã hội* được phản ánh ở đặc trưng tộc người, nhất là không gian nội thất nhà. Không gian này thể hiện quyền lực của chủ gia đình, vị trí của các thành viên; đồng thời phản ánh cấu trúc theo lứa tuổi, giới tính, vai trò từng cá nhân. Ngoài ra còn có không gian giữa khách với chủ, giữa người sống với người chết,...

1.2. Vận dụng lý thuyết cấu trúc và thực hành

Bourdieu (1972) đã nghiên cứu về *habitus* (thói quen) của con người và logic của thực hành, kể cả vai trò của việc sản sinh những khác biệt thẩm mỹ trong quá trình tái sản xuất xã hội và vốn văn hóa (1984). Ông phê phán cấu trúc luận, đề ra lý thuyết nghiên cứu các đồ vật hóa, các không gian ngôi nhà, đưa vào đó mối quan hệ vốn có giữa cấu trúc và thực hành một phạm trù mới. Thực hành là cái duy nhất hiện ra ngoài quan sát được. Người thực hành không nhất thiết phải ý thức hết các ý nghĩa hay các lực tương tác trong một hành vi của mình. Do đó, cần phải nghiên cứu thực hành để chỉ ra *habitus* và sự tương tác giữa cấu trúc tác nhân với chủ thể. Trong lý thuyết thực hành, Bourdieu đã nghiên cứu ngôi nhà của người Kabyle và cho rằng nó phản ánh thế giới bên ngoài. Ngôi nhà được tổ chức theo một tập hợp những cặp đối lập tương đồng nhau như trên/dưới, ánh sáng/bóng tối, ngày/đêm, giống đực/giống cái. Phân tích theo nguyên tắc này, tác giả cho rằng ngôi nhà hay ngôi làng xét về mặt nào đó đối lập với những cánh đồng vắng người, không gian trống rỗng và vô sinh. Do đó, dân làng không ai xây cất nhà ở bên ngoài phạm vi của ngôi làng (Bourdieu, Piere, 2002).

Vận dụng lý thuyết của Bourdieu, có thể nghiên cứu không gian (trước đây các nhà nhân học gọi là mặt bằng sinh hoạt) của ngôi nhà. Các mối quan hệ trong gia đình đã tạo thành những cặp kết cấu không gian đối lập: thiêng/tục, già/trẻ, nam/nữ, chủ/khách, không gian người sống/không gian người chết. Các không gian này được phân chia thành 3 loại hình như: (1) *Không gian vật chất* là không gian con người có thể nhìn thấy và đo đếm được như không gian trong/ngoài, cao/thấp, phải/trái...; (2) *Không gian sinh hoạt* là không gian theo chức năng, vị trí của ngôi nhà, và không gian này được phân chia thành các không gian ăn, ngủ, sinh hoạt tình dục, tiếp khách...; (3) *Không gian văn hóa - xã hội* được hình thành trên cơ sở không gian vật chất và không gian sinh hoạt nhưng mang đặc trưng văn hóa xã hội của tộc người. Đó là *không gian thiêng* như những nơi thờ cúng, giao tiếp giữa thần linh với con người, bao gồm vị trí của bàn thờ, cột thiêng, bếp thiêng, vị trí ngụ của các thần linh ở trong nhà như thần cửa, thần bếp, thần buồng...; không gian lứa tuổi tức không gian già/trẻ; không gian giới như không gian nam/nữ; không gian địa vị, quyền lực trong nhà thể hiện ở địa vị cao/thấp, địa vị chủ nhà và các thành viên, địa vị của người già nhiều tuổi so với các thành viên khác.

Công trình *Nhân học kiến trúc* của Victor Buchli (2013) là một trong những nghiên cứu khá toàn diện về nhân học kiến trúc trong đó có đề cập đến nhà cửa. Với dung lượng 200 trang, Buchli đưa ra nhiều phân tích trường hợp về các loại kiến trúc từ đa góc nhìn như triết học, xã hội học, khảo cổ học, nhân học. Một loạt kiến trúc khác nhau, từ các túp lều, các căn nhà, nhà (theo nghĩa gia đình), các tòa nhà có tính thể chế (ví dụ nhà tù, trung tâm thương mại...) được tác giả xem xét dưới lăng kính nhân học, tập trung vào đời sống xã hội, công nghệ, kỹ thuật và sự hình thành tính cá nhân, giới, thân tộc, văn hóa. Toàn bộ nghiên cứu đã xem xét về sự đa dạng các kiến trúc vật chất tạo ra con người và xã hội như thế nào. Tuy vậy, cuốn sách này không tập trung khám phá nhiều về không gian gia đình bên trong ngôi nhà (domestic space) như các nghiên cứu nhân học thường làm. Buchli cũng dành một chương sách để khám phá thêm cái mà Lévi-Strauss (1982) gọi là *sociétés à maison/house society* (xã hội bao gồm các nhà), đó là nơi tập hợp các mối quan hệ thân tộc và thứ bậc trong xã hội.

1.3. Lý thuyết sinh thái văn hóa về nghiên cứu nhà cửa

Trong các nhân tố tác động đến nhà cửa, môi trường đóng một vai trò rất quan trọng, vì vậy cần vận dụng lý thuyết sinh thái văn hóa để nghiên cứu vấn đề này.

Năm 1955, nhà nhân học Steward đưa ra lý thuyết sinh thái văn hóa (cultural ecology), có nghĩa là “sự thích nghi với môi trường” (Ngô Thị Phương Lan, 2017, tr. 15). Theo quan điểm của Steward, sinh thái văn hóa tập trung vào sự thích nghi của văn hóa với môi trường cụ thể. Vì vậy, khi nghiên cứu về nhà cửa, cần phân tích cả hệ thống văn hóa thích nghi với môi trường tự nhiên như: (i) *Thích nghi với nhiệt độ nóng hay lạnh*, thể hiện ở vật liệu làm tường nhà, vật liệu làm mái nhà, vị trí của bếp lửa; (ii) *Thích nghi với độ ẩm thấp hoặc cao*, chẳng hạn độ ẩm cao là do ảnh hưởng sương mù, gió mùa... thì sự thích ứng là các ngôi nhà

trình tường, hệ thống tầng gác, hoạt động của bếp lửa, trong đó: vai trò sàn tạo sự thông khí, tiếp cận nhiệt và chống ẩm còn vai trò tường trình kín của nhà với chống ẩm; (iii) *Thích ứng với gió to* là nhà thấp, hệ thống cột và vật liệu bao tường chắc khỏe, mái được giằng buộc chắc chắn; (iv) *Thích ứng với mưa nhiều* thể hiện ở việc làm mái dốc, lợp vật liệu tự nhiên, quanh nhà có rãnh thoát nước, hệ thống dẫn nước khoa học, móng nhà bằng đá; (v) *Thích ứng với mưa ít, khô hạn* là hệ thống giếng nước, vị trí giếng với ngôi nhà, các bể bằng gỗ và chum đựng nước mưa đối với một số ngôi nhà ở Đông Nam Á; (vi) *Thích ứng với ánh sáng* bằng việc khắc phục thiếu ánh sáng ở nhà trình tường, kỹ thuật lợp mái khi cần có “giếng trời”; (vii) *Thích nghi với địa hình* thể hiện ở vị trí dựng nhà cần đảm bảo phòng chống lũ quét, lũ ống (dựa lưng vào rừng, rừng ở trên cao hơn nhà, nhà không quá gần suối, rừng đan xen trong khuôn viên nhà, hướng nhà tránh gió thổi...). Khí hậu, địa hình là các yếu tố quy định dạng kiến trúc, kiến trúc theo hướng phát triển bền vững đòi hỏi phải thích ứng được với khí hậu, địa hình (Victor Buchil, 2013). Ngôi nhà thích ứng với khí hậu đang có xu hướng ứng dụng mạnh mẽ trước thách thức về biến đổi khí hậu, thiên tai.

2. Khái quát nghiên cứu nhân học về nhà cửa ở Việt Nam

2.1. Nghiên cứu về nhà cửa ở Việt Nam thời thực dân

Ở Việt Nam, các tác giả thường gọi nghiên cứu nhân học về nhà cửa là “nghiên cứu nhà cửa”. Các sách chuyên khảo, các bài báo đều viết cụm từ “nghiên cứu nhà ở” hay “nghiên cứu nhà cửa”. Đa phần, các tác giả trong nước chưa thực sự chỉ rõ lý thuyết được áp dụng. Do đó, việc nghiên cứu nhà cửa ở Việt Nam hoặc mang tính đơn giản, phân tán hoặc theo một mô hình nhất định gồm 3 mảng vấn đề chính là: các yếu tố vật chất - kỹ thuật tạo nên ngôi nhà, các yếu tố xã hội liên quan đến ngôi nhà, những biến đổi liên quan đến ngôi nhà. Từ đầu thế kỷ XX, nhà cửa ở Việt Nam đã được một số nhà nghiên cứu người Pháp và người Việt bước đầu chú trọng.

Năm 1934, Nguyễn Văn Huyền đã hoàn thành công trình *Nhập môn nghiên cứu nhà sàn ở Đông Nam Á* (Nguyễn Văn Huyền, 1995, tr. 135-2770). Ngoài phần dẫn luận và phụ lục, công trình gồm 2 phần: phần thứ nhất là chuyên khảo miêu tả các ngôi nhà ở Đông Dương, phần thứ hai là tiểu luận tổng hợp. Ngay từ công trình này, tác giả đã coi nhà cửa với các yếu tố vật chất ảnh hưởng đến ngôi nhà, từ đó nêu bật lên những yếu tố tinh thần (phong tục tập quán, các điều kiêng kỵ, các nghi lễ tôn giáo, tôn ti trật tự ảnh hưởng đến nhà sàn). Đặc biệt, tác giả có nhận định về các nguyên nhân tồn tại của nhà sàn như: thiên nhiên, lối sống, tôn giáo. Quá trình nghiên cứu, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp miêu tả các loại hình nhà sàn ở các nước, từ đó xác định những đặc trưng của nhà sàn trong vùng cũng như tính độc đáo của nhà sàn. Phần cuối cùng, tác giả đã phân tích những loại hình và đặc điểm chung của nhà sàn Đông Nam Á. Đã gần 100 năm nay, công trình nghiên cứu của Nguyễn Văn Huyền vẫn có ảnh hưởng trong nghiên cứu nhân học về nhà cửa.

Năm 1936, Pierre Gourou đã hoàn thành một công trình đồ sộ về *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, chủ yếu nghiên cứu về châu thổ sông Hồng. Trong đó, tác giả đã dành toàn bộ chương 5 viết về nhà cửa (trang 303 - 412). Ở chương này, với độ dài hơn 100 trang, trước tiên tác giả trình bày các loại hình xã hội về nhà cửa (dựa vào kinh tế để phân loại các kiểu nhà của người trung lưu, người nghèo...). Tiếp đến, tác giả đi sâu miêu thuật cấu trúc ngôi nhà, bình đồ của nhà, sự ảnh hưởng của ma thuật và tôn giáo, kết cấu bộ sườn và tường, vách cùng với mái nhà. Trên cơ sở đó, tác giả đi đến những nhận định về quy mô kiến trúc của ngôi nhà, sự phát triển của ngôi nhà và tiến hành so sánh nhà người Việt với nhà của các tộc người Tày, Mường. Ở công trình này, tác giả cũng chủ yếu sử dụng bút pháp miêu tả với việc phân tích (cùng ảnh và bản vẽ kỹ thuật) về ngôi nhà của người nông dân Bắc Kỳ (Piere Gourou, 2015).

Vào thập kỷ 40 thế kỷ XX, Tiến sĩ Văn học Jeanne Cuisinier đã xuất bản một chuyên khảo dân tộc chí nổi tiếng là *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, với nội dung chủ yếu mô tả về cách xây dựng và các phần bên trong của ngôi nhà người Mường. Tác giả không chỉ nghiên cứu riêng về ngôi nhà mà đặt nó trong cảnh quan các làng người Mường. Đặc biệt, tác giả đi sâu miêu thuật bên trong ngôi nhà, từ bàn thờ tổ tiên, bếp lửa, cửa sổ..., đến các căn nhà phụ, chuồng gia súc. Do đó, tác giả như một họa sĩ vẽ phong cảnh đã phác thảo ra ký họa về ngôi nhà Mường cùng các công trình phụ cận gắn với cảnh quan môi trường (Jeanne Cuisinier, 1995).

Như vậy, các công trình nghiên cứu về nhà cửa thời Pháp thuộc chủ yếu miêu tả hình dáng, nội thất ngôi nhà. Từ đó, phân tích về đặc điểm các ngôi nhà, những lý do dẫn đến đặc trưng của ngôi nhà (Nguyễn Văn Huyền, 1934). Trong những công trình này, chưa thấy các tác giả nghiên cứu về không gian (mặt bằng) của ngôi nhà mà dường như chỉ chú trọng đến những đặc trưng kiến trúc, các yếu tố kỹ thuật của ngôi nhà. Còn những yếu tố văn hóa xã hội chỉ được các tác giả điểm qua một vài nét về tôn giáo, phong tục, lễ nghi.

2.2. Nghiên cứu về nhà cửa ở Việt Nam của các nhà dân tộc học Việt Nam đương đại

Sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, các nhà nghiên cứu dân tộc học nước ta tập trung nhiều hơn vào nghiên cứu nhà cửa. Trước tiên cần kể đến nhà dân tộc học Mạc Đường với bài viết *Nghiên cứu về sự cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam* (1959); đây cũng là một trong những nghiên cứu đầu tiên về người Dao của các nhà dân tộc học Việt Nam đương đại. Theo ông, nhà ở của người Dao có ba loại hình là: nhà đất, nhà nửa sàn nửa đất và nhà sàn. Tuy xuất bản từ cuối thập kỷ 50 thế kỷ XX, nhưng đến nay nhiều nhận định của ông về các loại hình nhà cửa người Dao vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn.

Nhìn chung, các nhà dân tộc học Việt Nam nghiên cứu nhà cửa theo hai loại công trình: (1) Các tác giả nghiên cứu nhà cửa với hình thức là một chương (hoặc một mục nhỏ) trong các bộ dân tộc chí; (2) Các sách chuyên khảo về nhà cửa. Trong các sách về dân tộc chí như: *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam* (Lã Văn Lô, Đặng

Nghiêm Vạn, 1968); *Người Dao ở Việt Nam* (Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến, 1971); *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam* (Viện Dân tộc học, 1992); *Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam - Truyền thống và biến đổi* (Phạm Quang Hoan chủ biên, 2003); *Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam* (Khổng Diễn và cộng sự, 2003); *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam* (Khổng Diễn, Trần Bình chủ biên, 2007);... Song, trong những ấn phẩm dân tộc chí, các tác giả chỉ coi phần viết về nhà cửa là một tiểu mục của chương văn hóa vật chất. Ở đây, các tác giả đều miêu thuật về những loại hình nhà cửa của các tộc người, về kết cấu kỹ thuật, mặt bằng sinh hoạt, một số tập quán tín ngưỡng liên quan đến nhà ở. Vì chỉ là một tiểu mục nên dung lượng viết về nhà cửa cũng rất ít, miêu tả giản đơn, chưa có sự phân tích sâu sắc, tuy nhiên trong một số dân tộc chí các tác giả đã miêu tả bộ khung nhà, kết cấu mái và tường cũng như mặt bằng sinh hoạt khá chi tiết cụ thể như công trình *Người Dao ở Việt Nam* của Bé Viết Đăng và cộng sự (1971).

Từ cuối thế kỷ XX, nhà dân tộc học Nguyễn Khắc Tụng đã liên tiếp xuất bản các chuyên khảo như: *Nhà cửa các dân tộc ở trung du Bắc Bộ Việt Nam* (Nguyễn Khắc Tụng, 1978), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam tập 1, tập 2* (Nguyễn Khắc Tụng, 1993, 1999 và tái bản năm 2015). Nhìn chung, các công trình này đều đi theo cấu trúc: Phần mở đầu tác giả giới thiệu khái quát về địa lý, khí hậu nước ta, sơ lược về sự phân bố cư dân và dân tộc; sau đó miêu tả ngôi nhà các tộc người (chia theo nhóm ngôn ngữ) với chung một kết cấu: cảnh quan làng xóm, khuôn viên, mô tả ngôi nhà với các yếu tố kỹ thuật, mặt bằng sinh hoạt, quá trình chuyển đổi, song điểm quan trọng là tác giả đã nêu bật được đặc trưng từng tộc người phản ánh qua ngôi nhà. Trong bộ sách *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam* (2 tập), tác giả dành chương cuối để viết tổng kết, do đó có nhiều đóng góp cho nghiên cứu nhân học về nhà cửa. Vì qua phân tích cái riêng và cái chung về nhà cổ truyền các dân tộc Việt Nam, tác giả đã tổng kết lại các loại hình nhà ở, vật liệu xây dựng, kỹ thuật lắp ráp, dụng cụ dùng trong xây dựng nhà, thợ xây dựng, hình thù bộ nóc, kết cấu tường vách và bộ khung nhà, cách tổ chức mặt bằng sinh hoạt, quá trình biến đổi ngôi nhà. Hơn nữa, ở chương này tác giả còn viết về phương pháp nghiên cứu như xác định đối tượng, phân chia các loại hình nhà, cách tiếp cận và lựa chọn mẫu nhà để ghi chép. Đặc biệt, tác giả đã chú ý một số phương pháp đặc thù như: “phương pháp miêu tả”, “phương pháp phân loại tại thực địa”, “phương pháp tàn dư”, “phương pháp vẽ kỹ thuật và chụp ảnh”,... Về đối tượng, theo tác giả, không chỉ nghiên cứu về ngôi nhà mà còn nghiên cứu về điều kiện sinh thái, nhu cầu sản xuất, trình độ phát triển khoa học kỹ thuật xây dựng, nhu cầu sinh hoạt - văn hóa, thiết chế xã hội, nhu cầu tâm lý tộc người,... (Nguyễn Khắc Tụng, 2015). Ở đây tác giả muốn làm rõ khung phân tích cho nghiên cứu nhân học về nhà cửa ở Việt Nam, trên cơ sở đúc kết từ thực tiễn mấy chục năm nghiên cứu nhà cửa rất đáng trân trọng của tác giả. Đáng tiếc là những vấn đề tác giả đề cập ở mục đối tượng nghiên cứu lại chưa thể hiện rõ trong các công trình cụ thể của mình. Khi phân tích các ngôi nhà của 54 dân tộc Việt Nam, tác giả cũng chưa chú trọng đến quan hệ giữa các yếu tố kỹ thuật trong nhà với môi trường và cũng chỉ giới thiệu khá sơ lược

về “mặt bằng sinh hoạt”, qua đó có đôi nét phản ánh quan hệ xã hội. Việc nghiên cứu ngôi nhà trong mối tương quan với điều kiện tự nhiên, hệ sinh thái, cảnh quan môi trường, các quan hệ xã hội..., đều là khoảng trống đối với các công trình về nhà cửa của ông.

Trong 10 năm gần đây, nghiên cứu về nhà cửa ở Việt Nam đã có bước phát triển. Một loạt ấn phẩm nhân học về chủ đề này đã xuất hiện như: *Nhà ở của người Triêng ở Việt Nam* (Phạm Văn Lợi, 2010); *Nhà ở của người Chăm Ninh Thuận - Truyền thống và biến đổi* (Lê Duy Đại chủ biên, 2011); *Nhà ở của người Dao Áo Dài ở Hà Giang* (Phạm Minh Phúc, 2013); *Nhà tranh vách đất trong dân gian Khánh Hòa xưa* (Võ Triều Dương, 2017);... Các công trình mới này đã bổ sung những hạn chế về nghiên cứu nhà cửa giai đoạn trước, do yếu tố văn hóa xã hội được đề cập, phân tích kỹ hơn. Trước đây, các nghiên cứu của Nguyễn Khắc Tụng chủ yếu đề cập đến yếu tố kỹ thuật và “mặt bằng sinh hoạt” trong ngôi nhà của các tộc người, nhưng ở những ấn phẩm mới này, các tác giả thể hiện thêm những yếu tố xã hội liên quan. Chẳng hạn, Phạm Văn Lợi (2010) vẫn kế thừa nội dung “mặt bằng sinh hoạt” của Nguyễn Khắc Tụng, nhưng đã nói đến phong tục tập quán liên quan đến ngôi nhà và diễn ra ở trong nhà, các mối quan hệ xã hội thể hiện qua mặt bằng sinh hoạt. Các tác giả đã cấu trúc công trình nghiên cứu của mình gồm ba phần chính: (i) Những yếu tố vật chất và kỹ thuật tạo nên ngôi nhà; (ii) Những yếu tố xã hội liên quan đến ngôi nhà; (iii) Những biến đổi của ngôi nhà. Tuy các tác giả có chú trọng đến hai yếu tố kỹ thuật và xã hội, nhưng chưa đặt trọng tâm nghiên cứu mối quan hệ giữa ngôi nhà với môi trường, đặc biệt là những đặc trưng xã hội tộc người phản ánh trong kết cấu ngôi nhà. Phần nghiên cứu về yếu tố văn hóa xã hội, các tác giả vẫn chú trọng miêu tả “mặt bằng sinh hoạt” của ngôi nhà và các mối quan hệ xã hội phản ánh qua mặt bằng sinh hoạt, trong khi những tác giả đi trước đều dùng thuật ngữ “mặt bằng sinh hoạt”. Đến năm 2010, Lư Hùng và Phạm Văn Lợi đã dùng khái niệm “không gian trong nhà”, “không gian sinh hoạt” thay thế cho khái niệm “mặt bằng sinh hoạt” (Lư Hùng, Phạm Văn Lợi, 2010). Vận dụng các lý thuyết về không gian, hai tác giả đã phân tích các mối quan hệ về xã hội (Phạm Văn Lợi, 2016). Như vậy, các công trình nghiên cứu về nhà cửa gần đây đã có bước tiến so với các nghiên cứu trước kia. Đồng thời cũng bước đầu nghiên cứu về nhà cửa theo khung phân tích của Nguyễn Khắc Tụng (2015).

3. Mở rộng đối tượng nghiên cứu theo hướng ứng dụng

Các nhà nhân học nước ta trước đây ít coi trọng nghiên cứu ứng dụng, song cũng có những công trình về nhà cửa trở thành tư liệu để các nhà kiến trúc ứng dụng và thực tiễn như việc tham khảo tài liệu nghiên cứu cơ bản cho xây dựng *Làng Văn hóa các dân tộc Việt Nam* ở Đồng Mô - Sơn Tây (Hà Nội); xây dựng một vài điểm kiến trúc công cộng ở vùng dân tộc thiểu số,... Ngay cả các nghiên cứu mới nhất về nhà cửa hiện nay chủ yếu miêu tả các xu hướng biến đổi của ngôi nhà, phân tích nguyên nhân của biến đổi và một số khuyến nghị. Các công trình này bước đầu tiếp cận với xu hướng nghiên cứu ứng dụng, nhưng thực tiễn quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ ở khắp mọi vùng miền Tổ quốc, đòi

hỏi hướng nghiên cứu ứng dụng phải mở rộng cả về đối tượng, phương pháp nghiên cứu. Hiện nay, ở miền núi phía Bắc, sự biến đổi kiến trúc nhà cửa đã diễn ra mạnh theo những xu hướng là: (i) Cư dân ở nhà sàn như người Tày, Thái, Mường... chuyển xuống ở nhà đất; (ii) Bộ phận cư dân ở nhà nửa sàn nửa đất cũng bỏ kiểu nhà cổ truyền để chuyển sang ở nhà đất như người Việt; (iii) Các kiểu nhà trình tường, nhà hai mái, nhà vói dẫu ấn của kiến trúc phòng thủ đang có xu hướng chuyển sang loại nhà như người Việt, hoặc tại nơi biên giới thì xây dựng kiểu nhà của Trung Quốc mà phổ biến là các tộc người Hà Nhì, Hmông, Dao... ở các xã giáp biên. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chương trình “Bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống”. Chương trình đã được triển khai ở nhiều dân tộc, đạt được hiệu quả bước đầu. Song, ở các làng, bản, buôn truyền thống có mục tiêu bảo tồn nhà cổ truyền, nhưng chỉ đạt hiệu quả ở nơi xây dựng nhà truyền thống trở thành điểm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Người dân thấy ngôi nhà truyền thống đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng vì có nguồn thu từ khách tham quan, lưu trú tại gia. Vì vậy, ngoài việc xây dựng các làng quần thể theo hình thức bảo tàng và làng du lịch cộng đồng có cần nhất thiết phải bảo tồn kiến trúc truyền thống không? Đây là vấn đề quan trọng cả về mặt truyền thống cũng như xây dựng chính sách bảo tồn một làng truyền thống. Mặt khác, trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có tiêu chí số 6 về xây dựng các nhà văn hóa cộng đồng ở xã, thôn, nhưng rất tiếc hầu hết vùng dân tộc thiểu số, trừ một số ít bản làng xây dựng nhà văn hóa theo kiểu nhà truyền thống, còn hầu hết đều xây dựng theo kiến trúc mới bắt kể nhà gỗ, nhà gạch, ngói, xi-măng. Nhà văn hóa cần xác định như một biểu tượng văn hóa của một làng, một xã, một tộc người, vì vậy rất cần sự tham gia của các nhà nhân học trong tư vấn thiết kế, xây dựng các nhà văn hóa mang phong cách kiến trúc. Tuy nhiên, xu hướng này chưa được quan tâm, ngoài trừ một số kiến trúc sư yêu quý kiến trúc truyền thống đã thiết kế một số ngôi nhà mang tính đại diện ở các vùng du lịch.

Phát huy yếu tố truyền thống khi xây dựng kiến trúc các điểm du lịch, làng bản du lịch cộng đồng là cấp bách. Song, muốn kế thừa yếu tố truyền thống cần có sự tham gia các nhà nhân học phối hợp với các kiến trúc sư tư vấn. Ngay các kiểu nhà cổ truyền của các dân tộc khi xây dựng thành những homestay cũng phải cải tạo, mở rộng công năng nhà. Các ngôi nhà nền đất của người Hmông, Dao hoặc nhà trình tường của người Hà Nhì dù rất đẹp, ấm cúng, gần gũi với thiên nhiên..., nhưng muốn trở thành homestay thì phải mở rộng không gian để đón khách, xây dựng công trình vệ sinh, bố trí quầy lễ tân,... Những yêu cầu này là cấp thiết nhưng các doanh nghiệp, các tổ chức tư vấn du lịch chưa phối hợp với các nhà nhân học nên chủ yếu làm theo phương thức đại trà, không cần các yếu tố, biểu tượng truyền thống trong kiến trúc.

Kết luận

Nghiên cứu nhân học về nhà cửa ở nước ta đã trải qua gần nửa thế kỷ phát triển, song hầu hết mới chỉ dừng lại ở mức độ mô tả đặc điểm nhà cửa gắn một phần đặc trưng tộc

người. Các tác giả chưa đặt nhà cửa trong mối quan hệ tổng thể, đa biến với kinh tế, môi trường văn hóa xã hội. Tiếp thu các lý thuyết nghiên cứu trong nhân học về kiến trúc và nhà cửa, hy vọng việc nghiên cứu nhà cửa ở Việt Nam có bước phát triển mới.

Mặt khác, nhân học nghiên cứu về nhà cửa đang đứng trước yêu cầu, thách thức về bảo tồn di sản kiến trúc của các tộc người ra sao trong bối cảnh đô thị hóa, toàn cầu hóa và du lịch đang phát triển. Hy vọng đây cũng là “lãnh địa” để các nhà nhân học hợp tác với các kiến trúc sư, vừa bảo tồn được di sản kiến trúc nhà ở truyền thống, vừa ứng dụng xây dựng các công trình kiến trúc mới mang đậm bản sắc tộc người. Vì vậy, nghiên cứu nhân học về nhà cửa ở Việt Nam cần tiếp thu kinh nghiệm của các nước phát triển, đồng thời gắn chặt với những vấn đề thực tiễn ở Việt Nam để đổi mới cả về khuynh hướng cũng như phương pháp nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

1. Adamson Hoebeel (2007), *Nhân chủng học - Khoa học về con người*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Amos Rapoport (1969), *Hình thái ngôi nhà và văn hóa*, Nxb. Rrentice-Hall Inc, Hoa Kỳ.
3. Bourdieu, Piere (2002), *Ngôi nhà hay là thế giới lật ngược* (bản dịch của Trần Hữu Quang), trên trang <http://triethoc.edu.vn/vi/> (đăng ngày 6/5/2013, truy cập ngày 25/10/2020).
4. Khổng Diễn và cộng sự (2003), *Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Khổng Diễn, Trần Bình (Chủ biên, 2007), *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội.
6. Võ Triều Dương (2017), *Nhà tranh vách đất trong dân gian Khánh Hòa xưa*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội.
7. Lê Duy Đại (Chủ biên, 2011), *Nhà ở của người Chăm Ninh Thuận - Truyền thống và biến đổi*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Bé Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tụng, Nông Trung, Nguyễn Nam Tiến (1971), *Người Dao ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Mạc Đường (1959), “Nghiên cứu về sự cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam”, *Tạp san tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, Số 9 (11), tr. 80-86.
10. Phạm Quang Hoan (Chủ biên, 2003), *Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam - Truyền thống và biến đổi*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu Văn hóa Việt Nam*, Tập 1 Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Lưu Hùng, Phạm Văn Lợi (2010), *Ngôi nhà dài của người Ê-đê trong khuôn viên Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam*, Báo cáo Nhiệm vụ cấp Bộ năm 2009.
13. Jeanne Cuisinier (1995), *Người Mường - Địa lý nhân văn và xã hội học*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
14. Ngô Thị Phương Lan (2017), “Thuyết sinh thái văn hóa và tiếp cận nghiên cứu văn hóa ở Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 15.
15. Phạm Văn Lợi (2010), *Nhà ở của người Triêng ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Phạm Văn Lợi (2016), “Một số vấn đề trong nghiên cứu về nhà ở của các tộc người ở Việt Nam”, trong: *Nhân học ở Việt Nam - Một số vấn đề lịch sử, nghiên cứu và đào tạo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, tr. 375-384.
17. Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968), *Sơ lược giới thiệu các nhóm dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Phạm Minh Phúc (2013), *Nhà ở của người Dao Áo Dài ở Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Piere Gourou (2015), *Người nông dân châu thổ Bắc Kỳ - Nghiên cứu địa lý nhân văn*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.
20. Nguyễn Khắc Tụng (1978), *Nhà cửa các dân tộc ở trung du Bắc Bộ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Nguyễn Khắc Tụng (1993), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Tập 1, Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc - Đại học Kiến trúc Hà Nội xuất bản.
22. Nguyễn Khắc Tụng (1999), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Xây dựng, Hà Nội.
23. Nguyễn Khắc Tụng (2015), *Nhà ở cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. *Từ điển Nhân học*, Tập 1, Nxb. Blackwell, Hoa Kỳ (Bản dịch của Viện Dân tộc học, 1997).
25. Viện Dân tộc học (1992), *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện Dân tộc học xuất bản.
26. Victor Buchil (2013), *Nhân học kiến trúc*, Nxb. Bloomsbury.